TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2025/DS-PT
Ngày 29 tháng 4 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 967/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2025/QĐPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Christine Ngọc P, sinh năm 1960;

Địa chỉ: B V, M, C.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số H đường H, Phường I, Quận C, Tp .. (Văn bản ủy quyền ngày 03-3-2023)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần B1.

Địa chỉ trụ sở: số B đường N, ấp T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Đ; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Địa chỉ: 1 Ấp C xã T, huyện B, Tp ..

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Đoàn Christine Ngọc P và người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Hữu Q trình bày:

Bà Đoàn Christine Ngọc P và người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần B1 (sau đây gọi tắt là Công ty B1) ông Đoàn Văn Đ là bà con.

Vào ngày 14 tháng 4 năm 2017, tại Văn phòng đại diện của công ty B1 tại xã T, huyện B, bà Đoàn Christine Ngọc P cho Công ty B1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, các bên lập Giấy cho mượn tiền đề ngày 14 tháng 4 năm 2017. Các bên thỏa thuận, giao tiền mặt, thời gian vay là 01 (một) năm, lãi suất là 2%/tháng. Mục đích vay là dùng vào việc đầu tư và phát triển kinh doanh Công ty B1.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty B1 đã trả tiền lãi được 09 (chín) lần, lần đóng cuối cùng vào ngày 21/01/2019, tổng số tiền lãi đã trả là 595.000.000 đồng (năm trăm chín mươi lăm triệu đồng). Sau lần thanh toán tiền lãi này, Công ty B1 không thực hiện việc thanh toán khoản vay và tiền lãi như cam kết trong giấy cho mượn tiền.

Dù đã nhiều lần yêu cầu thanh toán tiền nợ cũng như nhắc nhở việc trả nợ, ông Đ cũng xin gia hạn thời gian và hứa sẽ thanh toán với lý do dịch bệnh Covid-19 bùng phát, không có khách hàng công ty tạm ngừng, không hoạt động và tiếp tục xin được gia hạn đến hết dịch bệnh. Tuy nhiên, công ty B1 cũng không trả lãi hay thanh toán số nợ gốc như thỏa thuận.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công Ty B1 trả cho bà P số tiền vốn vay là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền vốn vay 1.500.000.000 đồng với mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 14/01/2017 đến ngày 22/4/2024 còn nợ là 938.666.666 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà P tự nguyện không yêu cầu tính lãi 02 năm 2020 và 2021.

Bị đơn - Công ty Cổ phần B1 do người đại diện theo pháp luật là ông Đoàn Văn Đ tại đơn giải trình có ý kiến trình bày:

Thời điểm 04/2017, Công ty CP B1 gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Nợ ngân hàng lên đến 100 tỷ đồng, nợ khách hàng hơn 30 tỷ đồng, nợ lương công nhân, nợ BHXH nhiều tháng không có tiền trả. Trước hoàn cảnh khó khăn đó, thay mặt công ty, ông Đ có mượn mẹ ruột bà Đoàn Christine Ngọc P, tên thường gọi là bà Năm B, số tiền 1.500.000.000 đồng để giải quyết khó

khăn cho công ty. Công ty CP B1 có trả lãi cho bà Năm B nhiều lần. Lần cuối cùng trả lãi ngày 21/1/2019, tổng số tiền lãi đã trả là 595.000.000 đồng. Đầu năm 2018, Công ty CP B1 bị nhiều khách hàng, ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, Thi hành án Bến L đứng ra thực hiện việc chi trả. Bởi vì, ngày 12/9/2018, Công ty CP B1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, tổng số tiền là 137 tỷ đồng để trả nợ (kèm hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ). Công ty CP B1 lúc nào cũng nợ nần chồng chất, bán hết tài sản công ty cũng không đủ để trả nợ. Giấy mượn tiền được lập thành hai bản, tôi ký tên và đóng dấu trước (gọi là bên B), bà Năm B mang hai bản về Mỹ cho P con chị ký tên (bên A), đến hôm nay bên phía công ty chúng tôi vẫn chưa nhận được bản chính, cho nên kế toán công ty không thừa nhận khoản nợ này. Công ty CP B1 có nhiều cổ đông được quản lý do tập thể Hội đồng quản trị. Việc tôi mượn tiền phục vụ công ty, tôi không thông qua HĐQT. Mặt khác, giấy mượn tiền chỉ có bên B ký tên đóng dấu, bên A chưa ký, cho đến nay phía công ty chưa nhận được bản chính và kế toán không thừa nhận khoản nợ này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên "Giấy mượn tiền ngày 14/4/2017 là vô hiệu". Ngoài ra, ông Đ xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Tại Bản án bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 37, Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 288; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 5 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Christine Ngọc P đối với bị đơn Công ty Cổ phần B1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc Công ty Cổ phần B1 có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Christine Ngọc P số tiền vốn vay là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu đồng) đồng và tiền lãi là 975.000.000 (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, tổng cộng 2.475.000000 đồng.

Kể từ ngày bà Đoàn Christine Ngọc P có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần B1 chưa thi hành án xong thì Công ty Cổ phần B1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.500.000 (Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

H lại cho bà Đoàn Christine Ngọc P số tiền tạm ứng án phí là 39.450.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000105 ngày 06/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, bị đơn Công ty Cổ phần B1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Q trình bày: Công ty Cổ phần B1 vay của bà P 1,5 tỷ đồng. Chứng cứ là giấy vay tiền ngày 14/04/2017 do ông Đ là đại diện pháp luật của Công ty ký tên, đóng dấu. Nếu khi đó cá nhân ông Đ vay thì bà P không cho vay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Buộc Công ty Cổ phần B1 có trách nhiệm trả số tiền vốn vay là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là đúng pháp luật. Yêu cầu Công ty Cổ phần B1 phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong lãi suất 1,66%/tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đ.

Ông Đoàn Văn Đ trình bày: Vẫn giữ nguyên kháng cáo. Không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông Đ là chủ tịch đại diện theo pháp luật công ty. Khi vay tiền có ký tên, đóng dấu công ty nhưng không báo thành viên Hội đồng quản trị. Công ty không đồng ý trả tiền cho bà P, nếu tôi có tiền thì tôi sẽ cho anh tôi là cha của bà P. Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Công ty và xin miễn, giảm nộp án phí dân sự sơ thẩm do tình hình kinh doanh đang gặp khó khăn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Ông Đ nhân danh Chủ tich Hội đồng quản trị để mượn tiền của bà P, sử dụng con dấu công ty. Ông Đ thừa nhận toàn bộ số tiền đó sử dụng để chi phí trong công ty. Như vậy, mối quan hệ vay tiền được xác định là giữa Công ty với bà P, chứ không phải cá nhân ông Đ nên phải buộc Công ty trả nợ cho bà P là đúng quy định pháp luật. Xét kháng cáo của ông Đ là không có cơ sở. Rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, chỉ còn kháng nghị về phần án phí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần kháng nghị đã rút, chấp nhận kháng nghị phần không rút và bác kháng cáo của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo của đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, chỉ còn kháng nghị về phần án phí. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần kháng nghị đã rút.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần B1:

[2.1] Ngày 14 tháng 4 năm 2017, bà Đoàn Christine Ngọc P cho Công ty Cổ phần B1 (Công ty B1) vay 1.500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, thời hạn vay là 1 năm. Hai bên có làm "Giấy cho mượn tiền" cùng ngày vay, người đại diện theo pháp luật của Công ty B1 là ông Đoàn Văn Đ ký xác nhận, đóng dấu vào "Giấy cho mượn tiền" này.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Văn Đ thừa nhận có vay tiền, có ký tên và đóng dấu Công ty vào "Giấy cho mượn tiền" tiền, mục đích vay tiền để giải quyết khó khăn cho Công ty. Nhưng ông Đ cho rằng việc thỏa thuận vay tiền này thông qua mẹ ruột của bà P và ông cũng chưa được nhận bản

chính Giấy vay tiền để đưa cho kế toán công ty nên kế toán Công ty không thừa nhận khoản nợ này. Ông Đ còn cho rằng khi vay không thông qua Hội đồng quản trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên "Giấy cho mượn tiền" ngày 14/04/2017 nêu trên là vô hiệu.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần B1 thể hiện ông Đoàn Văn Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Căn cứ khoản 1 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014 thì ông Đ đại diện cho Công ty Cổ phần B1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty này. Việc ông Đ đưa ra lý do không nhận được bản chính "Giấy cho mượn tiền" và không thông qua Hội đồng quản trị về việc vay tiền này để yêu cầu xác định giao dịch vay tiền nêu trên vô hiệu là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Cổ phần B1 phải có nghĩa vụ trả nợ khoản vay nêu trên cho bà P là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Các đương sự đều thừa nhận số tiền bà P cho vay là 1.500.000.000 đồng và thừa nhận số tiền vay này chưa trả cho bà P. Đối với yêu cầu trả lãi, căn cứ theo "Giấy cho mượn tiền" và lời trình bày của các đương sự đều thống nhất xác định hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay 2%/tháng. Tại "Giấy cho mượn tiền" ngày 14 tháng 4 năm 2017 thể hiện thời hạn cho vay là 1 năm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây loại hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Về mức lãi suất vay, hai bên thống nhất xác định mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng (tức 24%/năm), tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định như sau:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác…Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực…"

Như vậy, việc bà P yêu cầu Công ty B1 phải trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định pháp luật.

Về thời gian yêu cầu trả lãi và số tiền lãi phải trả: Bà P yêu cầu Công ty trả tiền lãi tính từ ngày 14/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 20%/ năm. Nhưng bà P tự nguyện không yêu cầu tính lãi 02 năm 2020 và 2021 (do

dịch Covid). Xét thấy, yêu cầu của bà P là tự nguyện và có lợi cho Công ty B1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi tính như sau: Số tiền vay 1.500.000.000 đồng, mức lãi suất 20%/ năm.

Từ ngày 14/4/2017 – 31/12/2019 là 2 năm 8 tháng 17 ngày, số tiền lãi là 825.833.333 đồng; từ ngày 01/01/2022 - 12/6/2024 là 2 năm 5 tháng 11 ngày, số tiền lãi là 744.166.667 đồng; cộng tiền lãi bằng 1.570.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P và ông Đ xác định đã trả lãi cho bà P nhiều lần số tiền là 595.000.000 đồng. Do đó, Công ty Cổ phần B1 còn nợ bà P tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 975.000.000 đồng.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Christine Ngọc P là có căn cứ. Công ty Cổ phần B1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty Cổ phần B1.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật thì bị đơn phải chịu án phí trên số tiền bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn 2.475.000.000 đồng, do đó Công ty Cổ phần B1 phải đóng án phí bằng 81.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty Cổ phần B1 không được chấp nhận nên Công ty Cổ phần B1 phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 288; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 5 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã rút như nhận định của bản án.

2. Bác kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần B1; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về án phí; sửa một phần bản án sơ thẩm.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Christine Ngọc P đối với bị đơn Công ty Cổ phần B1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc Công ty Cổ phần B1 có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Christine Ngọc P số tiền vốn vay là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu đồng) đồng và tiền lãi là 975.000.000 (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, tổng cộng 2.475.000000 đồng.

Kể từ ngày bà Đoàn Christine Ngọc P có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần B1 chưa thi hành án xong thì Công ty Cổ phần B1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần B1 phải chịu 81.500.000 đồng.

H lại cho bà Đoàn Christine Ngọc P số tiền tạm ứng án phí là 39.450.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000105 ngày 06/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần B1 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 0000099 ngày 26/9/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh